

Số: 15 /QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 8 tháng 1 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra đào tạo trình độ tiến sĩ
Các chuyên ngành: Y tế công cộng - Nhi khoa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ thông tư số 10/2209/TT-BGD&ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ.

Căn cứ thông tư số 05/2012/TT-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ;

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học, Trưởng Khoa YTCC, Bộ môn Nhi

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định chuẩn đầu ra cho các chuyên ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ Y tế công cộng và Nhi khoa của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, Khoa Y tế công cộng, Bộ môn Nhi căn cứ quyết định thi hành. *k*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website của trường ĐHYDHP;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu trữ HCTH, SĐH



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thúc

CHUẨN ĐẦU RA
TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA
(Kèm theo quyết định số *15...QĐ/YDHP* ngày 8 / 1 / 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. **Tên ngành đào tạo:** Tiến sĩ Nhi khoa Mã số: 62 72 01 35
2. **Trình độ đào tạo:** Tiến sĩ.Y học
3. **Yêu cầu về kiến thức:**
 - Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, cập nhật kiến thức mới và toàn diện trong chuyên ngành Nhi khoa
 - Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo
 - Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Nhi khoa
 - Có tư duy mới trong công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành Nhi khoa
 - Tiếng Anh đạt trình độ B2 (khung tham chiếu Châu Âu) hoặc các chứng chỉ đầu quốc tế tương đương.
4. **Yêu cầu về kỹ năng:**
 - Chẩn đoán và điều trị thành thạo các bệnh lý Nhi khoa
 - Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề trong thực hành lâm sàng và áp dụng kiến thức mới trong lĩnh vực nhi khoa, có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn, có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.
 - Có kỹ năng ngoại ngữ, có thể hiểu được các báo cáo về các chủ đề cụ thể, bao gồm cả việc tra đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Nhi khoa. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành,



có thể giải thích được quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý nhi khoa.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc
- Đưa ra những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế, có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.
- Có năng lực đưa ra những đề xuất chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.
- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về y tế.
- Các Trường, Viện nghiên cứu, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Nhi khoa.
- Tiếp tục cập nhật những kiến thức mới về chẩn đoán và điều trị các bệnh lý trong chuyên ngành Nhi khoa





CHUẨN ĐẦU RA
TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG
(Kèm theo quyết định số .A.S...QĐ/YDHP ngày 8/1/2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. **Tên ngành đào tạo:** Tiến sĩ Y tế công cộng Mã số: 62 72 03 01
2. **Trình độ đào tạo:** Tiến sĩ.
3. **Yêu cầu về kiến thức:**
 - Tổng hợp được các kiến về chuyên ngành Y tế công cộng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. .
 - Đánh giá được các nghiên cứu khoa học về y tế công cộng
 - Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo
 - Vận dụng thành thạo các kiến thức về kinh tế, văn hoá – xã hội trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
 - Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới phát sinh trong cộng đồng.
 - Nghiên cứu đưa ra các dự báo và diễn biến bệnh và xu hướng bệnh trong cộng đồng.
 - Tiếng Anh đạt trình độ B2 (khung tham chiếu Châu Âu) hoặc các chứng chỉ đầu quốc tế tương đương.
4. **Yêu cầu về kỹ năng:**
 - Lập được kế hoạch để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên dựa vào bằng chứng, có cơ sở khoa học.
 - Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề, tri thức mới trong lĩnh vực Y tế công cộng, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá được các chương trình y tế triển khai tại địa phương, có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ, có thể hiểu được các báo cáo về các chủ đề cụ thể, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Y tế công cộng. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành và giải thích được quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.
- Quản lý có hiệu quả các nguồn lực và các hoạt động y tế ở các cơ sở y tế, sử dụng thành thạo một số phần mềm ứng dụng để xử lý, phân tích số liệu trong các nghiên cứu khoa học.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc
- Đưa ra những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.
- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế, có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.
- Có năng lực đưa ra những đề xuất chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.
- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về y tế.
- Các Trường, Viện nghiên cứu, các Trung tâm y tế dự phòng

7. Khả năng học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong lĩnh vực y tế công cộng
- Tiếp tục cập nhật những kiến thức mới về chẩn đoán và phòng chống các bệnh lý trong chuyên ngành Y tế công cộng